

**LĐLĐ TỈNH HOÀ BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC**

Số : **164**/CĐGD
V/v cấp kinh phí hoạt động công đoàn
lần 4 năm 2017

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hoà Bình, ngày **14** tháng **6** năm 2017

Kính gửi: Công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc.

Căn cứ nguồn kinh phí công đoàn các đơn vị, trường học nộp vào tài khoản chuyên thu của Công đoàn Giáo dục Hòa Bình tính đến hết ngày 13/6/2017, Công đoàn Giáo dục Hòa Bình thông báo đến công đoàn các đơn vị, trường học nội dung sau:

1. Công đoàn Giáo dục Hòa Bình cấp 0,94 kinh phí hoạt động công đoàn lần 4 năm 2017 cho những đơn vị đã nộp 2% kinh phí về tài khoản của Công đoàn ngành tính đến hết ngày 13/6/2017 (Có danh sách kèm theo).

Các công đoàn cơ sở được cấp kinh phí bằng tiền mặt về nhận kinh phí tại thường trực Công đoàn ngành từ ngày 16/6/2017 (Liên hệ trước với thường trực Công đoàn ngành theo số điện thoại: 0218.3854 502).

2. Công đoàn Giáo dục Hòa Bình thông báo số kinh phí được cấp và kinh phí phải trừ 10% theo Nghị quyết 9C/NQ-BCH (Có danh sách kèm theo) để công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc theo dõi, tổng hợp và đưa vào báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm 2017 của đơn vị.

Công đoàn Giáo dục Hòa Bình đề nghị các công đoàn cơ sở nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT CĐGD Hòa Bình;
- Website ngành;
- Lưu VP.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**

Hà Đức Hạnh

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÒA BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

THÔNG BÁO

CẤP KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN NĂM 2017 (LẦN 4)

STT	Tên đơn vị	Đã cấp trả nợ lần 1/năm 2016	Đã cấp lần 1		Đã cấp lần 2		Cấp lần 3		Cấp lần 4	Tổng
			Cấp trả nợ lần 2/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 1 năm 2017	Cấp trả nợ lần 2/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 2 năm 2017	Cấp trả nợ lần 3/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 3 năm 2017		
1	Trường THPT Cộng Hòa			5.600.000						5.600.000
2	Trường THPT Đại Đồng			5.340.000			460.000	5.350.000		11.150.000
3	Trường THPT Quyết Thắng	730.000		3.870.000		3.960.000				8.560.000
4	Trường THPT Lạc Sơn	2.071.000	1.010.000	6.200.000		2.150.000		2.070.000	2.060.000	15.561.000
5	Trường PTDTNT THCS và THPT Ngọc Sơn		4.700.000			3.540.000				8.240.000
6	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lạc Sơn	318.000		3.920.000						4.238.000
7	Trường THPT Thạch Yên	418.000		4.210.000				2.080.000	1.110.000	7.818.000
8	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Cao Phong	588.000		4.110.000				2.640.000	1.320.000	8.658.000
9	Trường THPT Cao Phong	858.000		3.690.000		4.130.000			3.820.000	12.498.000
10	Trường THPT Kỳ Sơn			5.230.000		5.230.000				10.460.000
11	Trường THPT Phú Cường			3.230.000		2.220.000			2.330.000	7.780.000
12	Trường THPT Lương Sơn	1.001.000		4.050.000	330.000	4.120.000		2.120.000		11.621.000
13	Trường THPT Nam Lương Sơn	791.000		5.230.000		5.230.000				11.251.000
14	Trường THPT Nguyễn Trãi	1.629.000	180.000	4.180.000				2.580.000	1.290.000	9.859.000
15	Trường THPT Cù Chính Lan			7.560.000		7.560.000				15.120.000
16	Trường PT DTNT THCS & THPT huyện Lạc Thủy			3.100.000		3.080.000				6.180.000
17	Trường THPT Lạc Thủy B			5.220.000				5.500.000		10.720.000
18	Trường THPT Lạc Thủy	2.371.000		4.130.000				3.950.000	1.980.000	12.431.000
19	Trường THPT Lạc Thủy C	1.442.000		2.480.000				4.120.000		8.042.000
20	Trường THPT Mai Châu	3.321.000		4.280.000		2.360.000		4.410.000		14.371.000

21	Trường THPT Mai Châu B	473.000		2.070.000		2.160.000			1.000.000	5.703.000
22	Trường PTDTINT THCS&THPT huyện Mai Châu	1.682.000		3.590.000					3.580.000	8.852.000
23	Trường PTDTINT THCS B huyện Mai Châu				400.000	2.670.000		3.120.000		6.190.000
24	Trường THPT Yên Thủy C	74.000		3.890.000					3.880.000	7.844.000
25	Trường THPT Yên Thủy A	7.435.000		0.000		6.500.000		6.500.000		20.435.000
26	Trường THPT Yên Thủy B	2.658.000		5.070.000				3.400.000		11.128.000
27	Trường THPT Thanh Hà			4.830.000					2.840.000	7.670.000
28	Trường PTDTINT THCS&THPT huyện Yên Thủy	3.038.000		0.000				2.890.000		5.928.000
29	Trường THPT 19/5	1.080.000		4.550.000		5.100.000		2.400.000	2.380.000	15.510.000
30	Trường THPT Kim Bôi							11.500.000		11.500.000
31	Trường PTDTINT THCS &THPT huyện Kim Bôi	2.094.000		2.340.000				3.590.000	1.230.000	9.254.000
32	Trường THPT Sào Báy	704.000			160.000	4.940.000		3.370.000		9.174.000
33	Trường THPT Bắc Sơn	1.164.000	490.000	3.090.000				2.040.000		6.784.000
34	Trường THPT Mường Chiềng	435.000		1.890.000				2.970.000		5.295.000
35	Trường THPT Yên Hoà	338.000		720.000					1.500.000	2.558.000
36	Trường THPT Đà Bắc	683.000		3.100.000		3.080.000			1.590.000	8.453.000
37	Trường PTDTINT THCS B huyện Đà Bắc			2.220.000					1.660.000	3.880.000
38	Trường PTDTINT THCS &THPT huyện Đà Bắc	5.285.000		3.180.000						8.465.000
39	Trường THPT Đoàn Kết			4.350.000				2.930.000		7.280.000
40	Trường THPT Tân Lạc	925.000		6.080.000		2.270.000		2.020.000		11.295.000
41	Trường THPT Mường Bi		710.000	6.620.000				3.250.000		10.580.000
42	Trường THPT Lũng Vân	2.012.000						2.030.000		4.042.000
43	Trường PTDTINT THCS&THPT huyện Tân Lạc	6.113.000				5.350.000				11.463.000
44	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh	4.643.000		9.700.000		3.140.000		3.140.000	3.140.000	23.763.000
45	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	7.694.000	890.000	10.080.000		5.070.000		5.080.000	5.080.000	33.894.000
46	Trường THPT Công nghiệp	1.388.000		7.800.000		5.990.000			8.260.000	23.438.000
47	Trường THPT Lạc Long Quân	1.134.000		4.630.000		2.200.000		2.230.000	2.200.000	12.394.000
48	Trường THPT Ngô Quyền	5.099.000		5.790.000				2.740.000	1.300.000	14.929.000
49	Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình			14.820.000		5.530.000		5.070.000	5.350.000	30.770.000
50	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật					7.560.000				7.560.000
51	TT Ngoại ngữ và Tin học	1.179.000		2.150.000					2.040.000	5.369.000
52	TT GDĐT tỉnh		290.000	5.700.000				3.930.000	1.950.000	11.870.000
53	TT. Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp	469.000	650.000	3.010.000				2.010.000	1.020.000	7.159.000

54	Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình	7.791.000				7.160.000		2.330.000		17.281.000
55	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lương Sơn		390.000	1.310.000					1.370.000	3.070.000
56	Công ty CP sách & TBTH									0.000
	Cộng	81.128.000	9.310.000	208.210.000	890.000	112.300.000	460.000	113.360.000	65.280.000	590.938.000

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đinh Thị Quỳnh Như

Hòa Bình, ngày 14 tháng 5 năm 2017


HÒA BÌNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BCH CHỦ TỊCH
HÀ ĐỨC HẠNH

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÒA BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

THÔNG BÁO
CẤP KINH PHÍ ỦY NHIỆM CHI HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN NĂM 2017 (LẦN 4)

STT	Tên đơn vị	Đã cấp trả nợ năm 2016	Đã cấp lần 1		Đã cấp lần 2		Cấp lần 3		Cấp lần 4	Tổng
			Tiếp tục cấp trả nợ lần 1/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 1 năm 2017	Tiếp tục cấp trả nợ lần 2/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 2 năm 2017	Tiếp tục cấp trả nợ lần 3/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 3 năm 2017		
1	Trường THPT Lạc Sơn	2.071.000	1.010.000	6.200.000		2.150.000		2.070.000	2.060.000	15.561.000
2	Trường THPT Thạch Yên	418.000		4.210.000				2.080.000	1.110.000	7.818.000
3	Trường THPT Cao Phong	858.000		3.690.000		4.130.000			3.820.000	12.498.000
4	Trường THPT Phú Cường			3.230.000		2.220.000			2.330.000	7.780.000
5	Trường THPT Nguyễn Trãi	1.629.000	180.000	4.180.000				2.580.000	1.290.000	9.859.000
6	Trường THPT Lạc Thủy	2.371.000		4.130.000				3.950.000	1.980.000	12.431.000
7	Trường THPT Mai Châu B	473.000		2.070.000		2.160.000			1.000.000	5.703.000
8	Trường THPT Thanh Hà			4.830.000					2.840.000	7.670.000
9	Trường THPT 19/5	1.080.000		4.550.000		5.100.000		2.400.000	2.380.000	15.510.000
10	Trường THPT Đà Bắc	683.000		3.100.000		3.080.000			1.590.000	8.453.000
11	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh	4.643.000		9.700.000		3.140.000		3.140.000	3.140.000	23.763.000
12	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	7.694.000	890.000	10.080.000		5.070.000		5.080.000	5.080.000	33.894.000
13	Trường THPT Công nghiệp	1.388.000		7.800.000		5.990.000			8.260.000	23.438.000
14	Trường THPT Lạc Long Quân	1.134.000		4.630.000		2.200.000		2.230.000	2.200.000	12.394.000
15	Trường THPT Ngô Quyền	5.099.000		5.790.000				2.740.000	1.300.000	14.929.000
16	Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình			14.820.000		5.530.000		5.070.000	5.350.000	30.770.000
17	TT Ngoại ngữ và Tin học	1.179.000		2.150.000					2.040.000	5.369.000
18	TT GD TX tỉnh		290.000	5.700.000				3.930.000	1.950.000	11.870.000

19	TT. Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp	469.000	650.000	3.010.000			2.010.000	1.020.000	7.159.000	
	Cộng	31.189.000	3.020.000	103.870.000	0.000	40.770.000	0.000	37.280.000	50.740.000	266.869.000

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đinh Thị Quỳnh Như

Hòa Bình, ngày 14 tháng 6 năm 2017

TRƯỞNG THƯỜNG VỤ

CHỦ TỊCH

BCH

CÔNG SOẠN

Giáo Dục Hà Đức Hạnh



LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÒA BÌNH
CỘNG ĐOÀN GIÁO DỤC

THÔNG BÁO

CẬP TIỀN MẶT KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN NĂM 2017 (LẦN 4)

STT	Tên đơn vị	Đã cấp trả nợ năm 2016	Đã cấp lần 1		Đã cấp lần 2		Cấp lần 3		Cấp lần 4	Tổng
			Cấp trả nợ lần 1/2016 (Do năm 2017 các đ. vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 1 năm 2017	Cấp trả nợ lần 2/2016 (Do năm 2017 các đ. vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 2 năm 2017	Cấp trả nợ lần 3/2016 (Do năm 2017 các đ. vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 3 năm 2017		
1	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Cao Phong	588.000		4.110.000				2.640.000	1.320.000	8.658.000
2	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Mai Châu	1.682.000		3.590.000					3.580.000	8.852.000
3	Trường THPT Yên Thủy C	74.000		3.890.000					3.880.000	7.844.000
4	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Kim Bôi	2.094.000		2.340.000				3.590.000	1.230.000	9.254.000
5	Trường THPT Yên Hoà	338.000		720.000					1.500.000	2.558.000
6	Trường PTDTNT THCS B huyện Đà Bắc			2.220.000					1.660.000	3.880.000
7	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lương Sơn		390.000	1.310.000					1.370.000	3.070.000
	Cộng	4.776.000	390.000	18.180.000	0.000	0.000	0.000	6.230.000	14.540.000	44.116.000

Hòa Bình, ngày 14 tháng 6 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đinh Thị Quỳnh Như



LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÒA BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

THÔNG BÁO
SỐ LIỆU KINH PHÍ CẤP BÙ TRỪ THEO NGHỊ QUYẾT 9C/NQ-BCH LẦN 4/2017

STT	Tên đơn vị	KP 2% CDCS nộp đến hết 13/6/2017)	Ước số 1% đoàn phí thu tại đơn vị	Số KP phải cấp cho CDCS theo số thực thu (0,94)	Ước số chi phụ cấp cho BCH của CDCS (30%)	Số kinh phí được tính để trích nộp theo NQ 9C/NQ- BCH	Số kinh phí trừ 10% theo NQ 9C/NQ- BCH
1	2	3	4=3/2	5	6=(4+5)*30%	7=4+5-6	8=7*10%
1	Trường THPT Cộng Hòa						
2	Trường THPT Đại Đồng						
3	Trường THPT Quyết Thắng						
4	Trường THPT Lạc Sơn	5.124.500	2.562.250	2.410.000	1.491.675	3.480.575	350.000
5	Trường PTDTNT THCS và THPT Ngọc Sơn						
6	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lạc Sơn						
7	Trường THPT Thạch Yên	2.756.910	1.378.455	1.300.000	803.537	1.874.919	190.000
8	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Cao Phong	3.281.967	1.640.984	1.540.000	954.295	2.226.688	220.000
9	Trường THPT Cao Phong	9.485.765	4.742.883	4.460.000	2.760.865	6.442.018	640.000
10	Trường THPT Kỳ Sơn						
11	Trường THPT Phú Cường	5.784.600	2.892.300	2.720.000	1.683.690	3.928.610	390.000
12	Trường THPT Lương Sơn						
13	Trường THPT Nam Lương Sơn						
14	Trường THPT Nguyễn Trãi	3.222.109	1.611.055	1.510.000	936.316	2.184.738	220.000
15	Trường THPT Cù Chính Lan						
16	Trường PT DTNT THCS & THPT huyện Lạc Thủy						
17	Trường THPT Lạc Thủy B						
18	Trường THPT Lạc Thủy	4.933.400	2.466.700	2.320.000	1.436.010	3.350.690	340.000
19	Trường THPT Lạc Thủy C						
20	Trường THPT Mai Châu						
21	Trường THPT Mai Châu B	2.488.700	1.244.350	1.170.000	724.305	1.690.045	170.000
22	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Mai Châu	8.923.700	4.461.850	4.190.000	2.595.555	6.056.295	610.000
23	Trường PTDTNT THCS B huyện Mai Châu						
24	Trường THPT Yên Thủy C	9.666.900	4.833.450	4.540.000	2.812.035	6.561.415	660.000
25	Trường THPT Yên Thủy A						
26	Trường THPT Yên Thủy B						
27	Trường THPT Thanh Hà	7.055.200	3.527.600	3.320.000	2.054.280	4.793.320	480.000
28	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Yên Thủy						
29	Trường THPT 19/5	5.923.400	2.961.700	2.780.000	1.722.510	4.019.190	400.000

30	Trường THPT Kim Bôi						
31	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Kim Bôi	3.063.200	1.531.600	1.440.000	891.480	2.080.120	210.000
32	Trường THPT Sào Báy						
33	Trường THPT Bắc Sơn						
34	Trường THPT Mường Chiềng						
35	Trường THPT Yên Hoà	3.734.000	1.867.000	1.750.000	1.085.100	2.531.900	250.000
36	Trường THPT Đà Bắc	3.956.000	1.978.000	1.860.000	1.151.400	2.686.600	270.000
37	Trường PTDTNT THCS B huyện Đà Bắc	4.124.000	2.062.000	1.940.000	1.200.600	2.801.400	280.000
38	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Đà Bắc						
39	Trường THPT Đoàn Kết						
40	Trường THPT Tân Lạc						
41	Trường THPT Mường Bi						
42	Trường THPT Lũng Vân						
43	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Tân Lạc						
44	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh	7.814.973	3.907.487	3.670.000	2.273.246	5.304.241	530.000
45	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	12.638.600	6.319.300	5.940.000	3.677.790	8.581.510	860.000
46	Trường THPT Công nghiệp	20.527.200	10.263.600	9.650.000	5.974.080	13.939.520	1.390.000
47	Trường THPT Lạc Long Quân	5.478.100	2.739.050	2.570.000	1.592.715	3.716.335	370.000
48	Trường THPT Ngô Quyền	3.240.728	1.620.364	1.520.000	942.109	2.198.255	220.000
49	Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình	13.295.900	6.647.950	6.250.000	3.869.385	9.028.565	900.000
50	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật						
51	TT Ngoại ngữ và Tin học	5.059.800	2.529.900	2.380.000	1.472.970	3.436.930	340.000
52	TT GDTX tỉnh	4.857.200	2.428.600	2.280.000	1.412.580	3.296.020	330.000
53	TT. Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp	2.524.000	1.262.000	1.190.000	735.600	1.716.400	170.000
54	Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình						
55	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lương Sơn	3.405.700	1.702.850	1.600.000	990.855	2.311.995	230.000
56	Công ty CP sách & TBTH						
Cộng		162.366.552	81.183.276	76.300.000	47.244.983	110.238.293	11.020.000

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đinh Thị Quỳnh Như



Hà Đức Hạnh